

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số:/2022/DS - PT

Ngày 05-5-2022

V/v tranh chấp lỗi đi

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thọ.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hương Giang; ông Nguyễn Văn Ngữ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hương Mai - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang;

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 05/5/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 187/DSPT ngày 13/12/2021 về việc “tranh chấp lỗi đi”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 36/2021/DS- ST ngày 16/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2022/QĐ- PT ngày 11/02/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đặng Thị Hoài Nh, sinh năm 1946 (vắng mặt);

- *Người đại diện theo ủy quyền của bà Nh:* Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1974 (có mặt);

- *Bị đơn:* Ông Hoàng Trọng Đ, sinh năm 1959 (có mặt);

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Giáp Thị H, sinh năm 1960 (có mặt);

2. Anh Hoàng Đức T2, sinh năm 1993 (vắng mặt);

3. Chị Vũ Thị D, sinh năm 1995 (vắng mặt);

4. Anh Hoàng Văn T3, sinh năm 1984 (vắng mặt);

Các đương sự đều cùng địa chỉ cư trú: Thôn N, xã C, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

5. Anh Hoàng Văn Th, sinh năm 1982 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ngõ 2, thôn T, xã N, ĐA, Hà Nội.

6. Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang do ông Trần Tuấn A – Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T đại diện theo uỷ quyền (vắng mặt);

7. Ủy ban nhân dân xã C, huyện T do bà Đinh Thị Hồng Th1 - Công chức địa chính – xây dựng xã C đại diện theo uỷ quyền (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện, các lời khai trong hồ sơ vụ án, bà Đặng Thị Hoài Nh trình bày:* Gia đình bà là chủ sử dụng thửa 170, tờ bản đồ số 20, diện tích 2462m², nay là thửa số 412, tờ bản đồ số 36, diện tích 2535,8m² tại thôn N, xã C, huyện T đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 004507, sổ vào sổ cấp GCN: 01627/QSDĐ/339/CT ngày 10/01/1997 mang tên ông Hoàng Ngọc C. Trước đó gia đình bà đã có lối đi chung không có tranh chấp với ai. Đến năm 2016, ông Đ tranh chấp không cho gia đình bà đi qua lối đi này. Bà khởi kiện yêu cầu ông Đ phải trả lại lối đi chung 19m x 3m để gia đình bà có lối đi.

- *Ông Hoàng Trọng Đ trình bày:* Nguồn gốc thửa đất ông đang sử dụng là do bố ông cho. Thửa đất đã được cấp GCNQSD đất mang tên ông. Khoảng năm 1990 ông đã bỏ công sức đắp đường, sau đó cho bà Nh đi nhờ lối đi. Năm 1992, Nhà nước đo đất nhưng không đo lối đi này vào đất nhà ông, đến năm 1999 – 2000 ông đến Ủy ban nhân dân xã C khiếu nại thì được giải thích, ông không phải đóng thuế phần lối đi nên không đo lối đi vào đất của ông. Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Nh.

- *Ủy ban nhân dân huyện T do ông Trần Tuấn A – Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T, tỉnh Bắc Giang trình bày:* Về nguồn gốc, trình tự, thủ tục cấp GCNQSD đất: Năm 1992, xã C đo đạc bản đồ địa chính khu đất của hộ ông Hoàng Ngọc C thể hiện tại thửa đất số 170, tờ bản đồ số 20, diện tích 2.462 m² tại thôn N, xã C. Đến năm 1997, UBND huyện cấp GCNQSDĐ cho ông Hoàng Ngọc C theo Quyết định số 339/CT ngày 14/12/1996, Giấy CNQSDĐ số K004507, sổ vào sổ cấp GCN 01627/QSDĐ/339/CT ngày 10/01/1997. Năm 2010, UBND xã C đo đạc lại bản đồ, thửa đất số 170, tờ bản đồ số 20 thể hiện tại thửa đất số 412, tờ bản đồ số 36, diện tích 2.535,8m².

Tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T đang lưu trữ Quyết định số 339/CT ngày 14/12/1996 kèm theo danh sách các tổ chức và cá nhân được cấp GCNQSDĐ xã C.

- Tại UBND xã C đang lưu trữ quản lý Sổ địa chính tại trang số 15, quyền số 13, thể hiện ông Hoàng Văn C là chủ sở hữu thửa đất số 170, tờ bản đồ số 20, diện tích 2462m² (300m² đất T, 2162m² đất vườn), thời gian sử dụng lâu dài.

Về nguồn gốc, trình tự thủ tục cấp GCNQSD đất số AE865116, tại Quyết định số 2841/QĐ-UBND ngày 05/7/2006, số vào sổ cấp GCN 03420 do UBND huyện T cấp cho ông Hoàng Trọng Đ tại thửa đất số 171, tờ bản đồ số 20, diện tích 358m², tại thôn N, xã C.

Làm việc với UBND xã C cho biết, năm 1992 xã C đo đạc bản đồ địa chính khu đất của hộ ông Hoàng Trọng Đ tại thửa đất số 171, tờ bản đồ số 20, diện tích 358m², tại thôn N, xã C. Ngày 14/12/1996, Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định số 339/CT cấp GCNQSDĐ cho các cá nhân, trong đó có ông Hoàng Trọng Đ (tại danh sách kèm theo là Hoàng Văn Đ). Ngày 10/01/1997, ông Hoàng Trọng Đ được cấp GCNQSD đất số 004508, số vào sổ QSDĐ số 01665/QSDĐ/339/CT gồm 12 thửa đất, trong đó có thửa 171, tờ bản đồ số 20, diện tích 358m², tại thôn N, xã C với tên Hoàng Văn Đ.

Ngày 21/4/2006, ông Hoàng Trọng Đ làm đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 171, tờ bản đồ số 20, diện tích 358m² mục đích sử dụng đất vườn tại thôn N, xã C. Lý do “cấp lại do GCN cũ bị ghi sai tên đệm” và được UBND huyện ban hành Quyết định số 2841/QĐ-UBND ngày 05/7/2006 về việc cấp GCNQSD đất cho các chủ sử dụng đất tại xã C, trong đó có ông Hoàng Trọng Đ cấp đổi do sai tên đệm. Về hồ sơ lưu trữ cấp GCNQSDĐ của ông Hoàng Trọng Đ đối với thửa đất số 171, tờ bản đồ số 20, tại thôn N, xã C.

Tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T đang lưu trữ: Quyết định số 339/CT ngày 14/12/1996 kèm theo danh sách các tổ chức và cá nhân được cấp GCNQSDĐ xã C; Đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Hoàng Trọng Đ kí xác nhận ngày 21/4/2006; Trích đo thửa đất do UBND xã C xác nhận, ông Hoàng Trọng Đ ký đại diện chủ sử dụng đất ngày 21/4/2006; Giấy CNQSDĐ số K 004508, vào sổ cấp GCNQSDĐ số 01665/QSDĐ/339/CT ngày 10/01/1997 mang tên Hoàng Văn Đ; Quyết định số 2841/QĐ-UBND ngày 05/7/2006 về cấp

GCNQSDĐ cho các chủ sử dụng đất tại xã C, huyện T của Chủ tịch UBND huyện, kèm theo danh sách cấp GCNQSDĐ cho các chủ sử dụng đất tại xã C.

- Đại diện Ủy ban nhân dân xã C, huyện T trình bày: Về nguồn gốc, trình tự, thủ tục cấp GCNQSD đất số K004507, vào sổ cấp GCN: 01627/QSDĐ/339/CT ngày 10/01/2021 do UBND huyện T cấp cho ông Hoàng Ngọc C tại thửa đất số 170, tờ bản đồ số 20, diện tích 4262m², nay là thửa 412, tờ bản đồ số 36, diện tích 2535,8m² tại thôn N, xã C, huyện T. UBND xã không còn lưu giữ được hồ sơ cấp Giấy CNQSD đất đối với thửa đất trên.

Theo sổ mục kê: Thửa đất số 170, tờ bản đồ số 20, chủ sử dụng đất là Hoàng Ngọc C có diện tích 2462m² (gồm: 300m² đất ở, 2162m² đất vườn).

Theo sổ địa chính: Chủ sử dụng được cấp Giấy CNQSD đất là ông Hoàng Ngọc C tổng diện tích được cấp GCNQSD đất là 4796m² trong đó có thửa 170, tờ bản đồ 20, diện tích gồm: 300m² đất ở + 2162m² đất vườn.

Theo danh sách cấp GCNQSD đất ngày 14/12/1996 kèm theo quyết định 339/CT: Tại trang 11 dòng thứ 7 từ dưới lên, chủ sử dụng đất là Hoàng Ngọc C đã được cấp Giấy CNQSD đất với tổng diện tích 4769m².

Theo bản đồ đo đạc năm 1992: Thửa đất của hộ ông Hoàng Ngọc C là thửa đất số 170, tờ bản đồ số 20, diện tích 2.462 m². Theo bản đồ địa chính đo đạc năm 2010: Thửa đất của hộ ông Hoàng Ngọc C được thể hiện tại thửa đất số 412, tờ bản đồ số 36, diện tích 2.535.8m².

Về nguồn gốc, trình tự thủ tục cấp GCNQSD đất số AE865116, tại Quyết định số 2841/QĐ-UBND ngày 05/7/2006, số vào sổ cấp GCN 03420 do UBND huyện T cấp cho ông Hoàng Trọng Đ tại thửa đất số 171, tờ bản đồ số 20, diện tích 358m², tại thôn N, xã C.

Theo sổ mục kê: Thửa đất số 171, tờ bản đồ số 20, chủ sử dụng đất là Hoàng Văn Đ có diện tích 358m² đất vườn.

Theo sổ địa chính: Tại trang 26, chủ sử dụng được cấp Giấy CNQSD đất là ông Hoàng Văn Đ tổng diện tích được cấp Giấy CNQSD đất là 4343m² trong đó có thửa 171, tờ bản đồ 20, diện tích 358m² đất vườn.

Theo danh sách cấp GCNQSD đất ngày 14/12/1996 kèm theo quyết định 339/CT: Tại trang 12, chủ sử dụng đất là Hoàng Văn Đ đã được cấp Giấy CNQSD đất với tổng diện tích 4343m².

Theo bản đồ đo đạc năm 1992: Thửa đất của hộ ông Hoàng Văn Đ được thể hiện tại thửa đất số 171, tờ bản đồ số 20, diện tích 358m². Theo bản đồ địa chính đo đạc năm 2010: Thửa đất của hộ ông Hoàng Văn Đ được thể hiện tại một phần thửa đất số 413, tờ bản đồ số 36, diện tích 1104.6m².

Năm 2006, ông Đ đã đề nghị được cấp đổi lại Giấy CNQSD đất do Giấy CNQSD đất cũ bị cấp sai tên đệm. Sau đó ông Đ đã được cấp đổi lại Giấy CNQSD đất mang tên ông Hoàng Trọng Đ trong đó có thửa đất số 171, tờ bản đồ 20, diện tích 358m² đất vườn. Giấy CNQSD đất của ông Đ được cấp đổi lại theo quyết định số 2841/QĐ-UBND ngày 05/7/2006 của UBND huyện T. UBND xã C không còn lưu trữ được hồ sơ cấp Giấy CNQSD đất số AE865116.

Về lối đi hai bên đang tranh chấp:

Kiểm tra bản đồ số 20 đo đạc năm 1992: Lối đi đang tranh chấp được thể hiện rõ trên bản đồ đo đạc năm 1992.

Kiểm tra bản đồ số 36 đo đạc năm 2010: Lối đi hai bên đang tranh chấp được thể hiện rõ trên bản đồ đo đạc năm 2010.

Hiện tại lối đi này là lối đi duy nhất ra, vào thửa đất của bà Nh và là lối đi chung. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện T xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Với nội dung vụ án như trên, bản án số 36/2021/DS - ST ngày 16/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang đã quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 165; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 175; Điều 176; Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự;

Khoản 1 Điều 12; Điều 170, khoản 1 Điều 203 Luật đất đai;

Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Hoài Nh.

Buộc ông Đ phải tháo dỡ 18 trụ bê tông, 43m lưới B40, 43m tường bao ao để trả lại lối đi chung tại thôn N, xã C, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Lối đi chung ông Đ phải trả có các cạnh ABLKCDEFGHI, diện tích $124,8\text{m}^2 + 64,4\text{m}^2 = 189,2\text{m}^2$ (có sơ đồ kèm theo bản án).

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo.

Ngày 28/9/2021, ông Đ kháng cáo.

Nội dung kháng cáo: Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang công nhận lỗi đi là của riêng gia đình ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không thay đổi, bổ sung rút yêu cầu khởi kiện, bị đơn không thay đổi, bổ sung, rút kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Ông Hoàng Trọng Đ trình bày: Phần đất bà Nh yêu cầu mở lối đi gia đình ông đã đổi đất cho một số hộ liền kề sau đó đổ đất tân nền sử dụng từ năm 1990 nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bản án sơ thẩm buộc ông phải mở lối đi là không đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nh.

Anh Hoàng Văn T trình bày: Lối đi bà Nh yêu cầu mở gia đình anh sử dụng từ năm 1988 đến năm 2015 không có tranh chấp. Năm 2016 ông Đ dựng cột bê tông, rào lưới B40 cản trở lối đi, ngoài lối đi hiện tại gia đình bà Nh không còn lối đi nào khác, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán từ khi thụ lý đến khi xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Thư ký phiên tòa đã phổ biến nội quy phiên tòa, kiểm tra sự có mặt của những người tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án và thực hiện các công việc khác đúng quy định tại Điều 237 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Trọng Đ. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 36/2021/DS - ST ngày 16/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang.

Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Hoàng Trọng Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết kháng cáo, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 294, Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Hoàng Trọng Đ, Hội đồng xét xử thấy:

Thửa đất thửa số 170, tờ bản đồ số 20, diện tích 2462m² (theo bản đồ năm 1992, nay là thửa số 412, tờ bản đồ số 36, diện tích 2535,8m² theo bản đồ năm 2010) tại thôn N, xã C, huyện T bà Nh đang sử dụng được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 004507, số vào sổ cấp GCN: 01627/QSĐĐ/339/CT ngày 10/01/1997 mang tên ông Hoàng Ngọc C (chồng bà Nh).

Ông Đ là chủ sử dụng được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 004508, số vào sổ cấp 01665/QSD Đ/339/CT ngày 10/01/1997 gồm 12 thửa đất trong đó có thửa số 171, tờ bản đồ 20, diện tích 358m² và thửa số 204 diện tích 852m² (theo bản đồ năm 1992). Theo bản đồ năm 2010, thửa 171 theo bản đồ cũ nay là một phần thửa 413, diện tích 1.104,6m², còn thửa 204 cũ nay là một phần thửa 435, diện tích 1.336,8m² đều thuộc tờ bản đồ số 36.

Ông Đ thừa nhận: Đề ra, vào thửa số 412, tờ bản đồ số 36 của bà Nh có lỗi đi là đất thuộc quyền sử dụng của ông nhưng ông chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông chỉ cho bà Nh đi nhờ.

HĐXX thấy: Theo bản đồ năm 1992 (bút lục số 125) và năm 2010 (bút lục số 124) thì lỗi đi này không nằm trong các thửa đất của ông Đ được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà trên bản đồ đã thể hiện có lỗi đi vào thửa đất số 412 của bà Nh. Trong hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đ năm 2006, ông Đ chỉ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông thửa đất 204 và thửa 171, tờ bản đồ 20 năm 1992 không gồm lỗi đi vào đất của bà Nh; trong sơ đồ trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đ (bút lục số 90) có vẽ lỗi đi chung.

Như vậy: Có đủ căn cứ để xác định lỗi đi vào thửa đất của bà Nh là lỗi đi chung, không phải đất thuộc quyền sử dụng của ông Đ.

Điều 12 Luật đất đai quy định những hành vi bị nghiêm cấm. Tại khoản 4, khoản 10 quy định cấm các hành vi: Không thực hiện đúng quy định của pháp luật khi thực hiện quyền của người sử dụng đất; cản trở, gây khó khăn đối với việc thực hiện quyền của người sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Điều 169 Bộ luật dân sự quy định về quyền yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với việc thực hiện quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản: Khi thực hiện quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản, chủ thể có quyền yêu cầu người có hành vi cản trở trái pháp luật phải chấm dứt hành vi đó hoặc có quyền yêu cầu Tòa án, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khác buộc người đó chấm dứt hành vi vi phạm.

Ông Đ cản trở bà Nh đi qua lối đi chung là vi phạm khoản 4, khoản 10 Điều 12 Luật đất đai. Bà Nh có quyền yêu cầu Tòa án buộc ông Đ chấm dứt hành vi vi phạm theo quy định tại Điều 169 Bộ luật dân sự. Bản án sơ thẩm buộc ông Đ tháo dỡ cột bê tông, hàng rào lưới B40, trả lại lối đi chung là có căn cứ đúng quy định tại Điều 169 Bộ luật dân sự.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy: Không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang là có căn cứ.

Án phí: Ông Đ là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Từ nhận định trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Trọng Đ.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 36/2021/DS-ST ngày 16/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Hoàng Trọng Đ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Xuân Thạo